



# Chính sách viện trợ trong bối cảnh trở thành nước thu nhập trung bình của Việt Nam

Nguyễn Quang Thái\*, Trần Thị Hồng Thuý\*\*

*Sau hơn 25 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Từ năm 2010, Việt Nam đạt mức thu nhập GNI bình quân đầu người đạt khoảng 1.168 USD/người, trở thành một nước có mức thu nhập trung bình. Chính sách viện trợ cho Việt Nam đang thay đổi, theo đó, tính chất, quy mô, cơ cấu, điều kiện và phương thức cung cấp ODA cho Việt Nam của đối tác phát triển sẽ khác so với trước đây khi Việt Nam là nước chậm phát triển, thu nhập thấp. Bài viết trình bày những thay đổi của ODA và vốn ưu đãi dành cho Việt Nam, những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý và sử dụng ODA của Việt Nam trong điều kiện mới.*

**Từ khóa:** ODA, thu nhập trung bình, đối tác phát triển, quản lý

## 1. Giới thiệu

Để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đang triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 đề đưa đất nước cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015 hướng vào 3 khâu đột phá: (1) Xây dựng đồng bộ thể chế của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, (2) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và (3) Xây dựng cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại.

Tuy nhiên, trải qua 3 năm khó khăn 2011-2013, trong 7 năm tới 2014-2020, nền kinh tế tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Những yếu tố cơ bản gây bất ổn định kinh tế vĩ mô cần được kiểm soát và giải quyết triệt để. Các điểm nghẽn của sự phát triển (*Cơ sở hạ tầng yếu kém, năng lực cạnh tranh quốc gia thấp, Năng lực con người còn nhiều bất cập, Xóa đói giảm nghèo chưa bền vững và Hậu quả nặng nề của hiện tượng biến đổi khí hậu*) cần được khai thông và tạo dựng nền tảng phát triển bền vững (Chính phủ, 2012).

Bên cạnh đó, qua 20 kỳ hội nghị thường niên các nhà tài trợ (CG), Hội nghị CG 2012 là hội nghị cuối

cùng, đánh dấu sự kết thúc của 20 năm tiến hành đối thoại giữa các nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam theo hình thức cũ. Từ năm 2013, CG sẽ chuyển thành Diễn đàn quan hệ đối tác phát triển. Xu hướng cung ứng ODA “đế đả” giảm dần cũng là lúc chuyển hình thức đối thoại từ CG sang Diễn đàn quan hệ đối tác phát triển, cùng nhau tìm ra con đường phát triển, nhằm đa dạng hóa nguồn lực, cá về tái chính lẫn kinh nghiệm và kiến thức phát triển cho Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay khi năm 2010 Việt Nam đạt mức GNI bình quân đầu người vượt 1.168 USD/người<sup>1</sup> - mức khởi điểm của nước thu nhập trung bình<sup>2</sup>, phù hợp với thông lệ viện trợ quốc tế, chính sách hỗ trợ phát triển cho nhóm nước chậm phát triển thu nhập thấp (LIG) và nhóm nền kinh tế thu nhập trung bình (MIG) có sự khác nhau nhất định. Là một nước thu nhập trung bình, với GNI năm 2014 đạt gần 2000 USD/người, chính sách viện trợ cho Việt Nam đang thay đổi, theo đó, tính chất, quy mô, cơ cấu, điều kiện và phương thức cung cấp ODA cho Việt Nam của đối tác phát triển sẽ khác so với trước đây khi Việt Nam là nước chậm phát triển, thu nhập thấp.

2. Những thay đổi chủ yếu của ODA và vốn vay ưu đãi dành cho Việt Nam trong bối cảnh

**nước thu nhập trung bình MIC**

Trong giai đoạn tới, bối cảnh ODA của Việt Nam thay đổi trong môi trường của một nước thu nhập trung bình (MIC) với những nét đặc trưng sau đây:

*Quy mô nguồn vốn ODA (kiểu cũ) dành cho Việt Nam thay đổi theo hướng giảm dần trong thời kỳ 2011-2015 và giảm mạnh sau năm 2015.*

Trên bình diện quốc tế, chính sách ODA theo thỏa thuận trong khuôn khổ OECD/DAC giữa các nhà tài trợ dành ưu tiên cao cho các nước nghèo, chậm phát triển. Trong thời kỳ 1993-2010, Việt Nam đã được hưởng quy chế ưu tiên cao trong chính sách tài trợ của các nhà tài trợ song phương và đa phương về quy mô nguồn vốn ODA cũng như tinh chất ưu đãi chỉ bao gồm viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi. Trong các năm gần đây, tổng vốn ODA cam kết giảm dần: năm 2009: 8,1 tỷ USD và năm 2010: 7,9 tỷ USD, năm 2011: 7,4 tỷ USD, năm 2012: 6,5 tỷ USD, năm 2013: 6,485 tỷ USD. Và cơ chế sử dụng nguồn vốn ODA cũng đang có những thay đổi linh hoạt hơn. Thích ứng với giai đoạn mới, Việt Nam cần nắm bắt những thay đổi này để có thể đưa ra các chính sách thu hút và sử dụng ODA một cách thích hợp với các đối tác phát triển theo kiểu mới trong điều kiện hội nhập quốc tế thể hệ mới.

*Cơ cấu vốn ODA thay đổi theo hướng vốn ODA không hoàn lại và vốn ODA vay ưu đãi giảm dần và một số nhà tài trợ đã mở các kênh tài trợ mới để cung cấp ODA vốn vay kém ưu đãi hơn.*

Bình quân trong thời kỳ 1993-2012, vốn ODA không hoàn lại chiếm khoảng 20% và ODA vốn vay ưu đãi chiếm 80%<sup>3</sup>. Một số nhà tài trợ cung cấp nhiều vốn ODA không hoàn lại đã tuyên bố sẽ chấm dứt chương trình hợp tác phát triển với Việt Nam trong những năm tới như Thụy Điển, Đan Mạch, EU, Bỉ. Bên cạnh đó, một số nhà tài trợ như ADB và WB đã mở các kênh tín dụng mới với những điều kiện tài chính kém ưu đãi hơn về lãi suất, thời gian trả nợ và thời gian ân hạn ngắn hơn như vốn vay từ Ngân hàng tái thiết và phát triển (IBRD) của Ngân hàng Thế giới và vốn vay thông thường (OCR) của ADB. Đồng thời hai định chế tài chính quốc tế này giảm dần các nguồn vốn vay ODA ưu đãi như từ Quỹ phát triển châu Á (ADF) của ADB và Vốn hỗ trợ phát triển quốc tế (IDA) của WB, một số nhà tài trợ cũng cung cấp các nguồn vốn vay kém ưu đãi như vốn vay phát triển của CHLB Đức, vốn F3 của Pháp, vốn tài trợ phát triển khác (OOF) của Nhật

Bản...

Trong bối cảnh Việt Nam là nước thuộc nhóm MIC, ODA đã mở rộng hơn, không bó hẹp như trong Nghị định 131/2006/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định về phạm vi bao quát của các Đề án ODA 2011-2015 bao gồm cả các khoản vốn vay kém ưu đãi như OCR (ADB), IBRD (WB), OFF (Nhật Bản). Phạm vi của Nghị định 38/2013/NĐ-CP mở rộng hơn, ngoài ODA (viện trợ không hoàn lại và vay ưu đãi) còn bao gồm vốn vay kém ưu đãi hơn<sup>4</sup>. Thực ra các khoản vốn vay kém ưu đãi hơn đều có thành tố không hoàn lại dưới 25%, do vậy theo phân loại của OECD-DAC không phải là ODA. Như vậy, việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Nghị định 38/2013/NĐ-CP để bao quát vốn vay kém ưu đãi xuất phát nhu cầu tạo thuận lợi cho công tác quản lý của Chính phủ, cũng như của nhà tài trợ.

*Phương thức hợp tác Chính phủ với Chính phủ chuyển dần sang phát triển quan hệ trực tiếp giữa các chủ thể của hai Bên, trong đó Chính phủ đóng vai trò xúc tác chính sách, thể chế để tạo môi trường thuận lợi cho các chủ thể hợp tác với nhau.*

Nói theo một nghĩa nào đó, ODA trong thời kỳ 1993-2012 vẫn còn phủ cái bóng của thời kỳ bao cấp, trong đó các Chính phủ/cơ quan viện trợ giữ vai trò trung tâm "phân phối ODA", vai trò tham gia của người thụ hưởng và các bên có liên quan đến nguồn vốn này chưa được coi trọng và phát huy đầy đủ. Trong thời kỳ mới, nhiều nhà tài trợ sẽ chuyển sang hỗ trợ trực tiếp để phát triển quan hệ hợp tác giữa các đối tác của Việt Nam và của nhà tài trợ như: quan hệ trực tiếp giữa các trường đại học, các viện hoặc trung tâm nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân, các địa phương,... của hai bên. Một số nhà tài trợ có kế hoạch chấm dứt hoạt động viện trợ hiệu theo nghĩa truyền thống sẽ chuyển đổi theo hướng trên để tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hợp tác phát triển với Việt Nam. Phương thức cung cấp viện trợ đang và sẽ thay đổi theo hướng Chính phủ nước tài trợ sẽ giảm dần vai trò như một tác nhân chủ chốt hỗ trợ phát triển cho nước nhận viện trợ mà thay vào đó sẽ hỗ trợ gián tiếp cho các chủ thể của nước tài trợ phát triển hợp tác với các đối tác ở nước tiếp nhận viện trợ. Tính chất viện trợ sẽ có những thay đổi từ quan hệ hợp tác thiên về "cho - nhận" để đáp ứng nhu cầu phát triển bức xúc, cụ thể sang mối quan hệ đối tác với yêu cầu cao hơn để viện trợ phát huy đầy đủ hơn vai trò vốn có của nó là xúc tác cho quá trình phát triển chứ không thay thế cho nguồn

nội lực của Việt Nam.

*Nhiều cách tiếp cận và mô hình tài trợ phát triển sẽ được áp dụng với việc mở rộng sự tham gia của các tổ chức phi Chính phủ và khu vực tư nhân vào quá trình phát triển.*

Bên cạnh mô hình viện trợ truyền thống theo dự án và chương trình, các nhà tài trợ có khuynh hướng sử dụng cách tiếp cận theo chương trình, ngành (PBA) hỗ trợ ngân sách chung (GBS) và hỗ trợ ngân sách có mục tiêu (TBS), hỗ trợ khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển các lĩnh vực công theo nhiều phương thức khác nhau, trong đó có phương thức công-tư hợp tác (PPP).

Khu vực tư nhân Việt Nam ngày càng có vị trí quan trọng trong xã hội Việt Nam, tiềm lực vốn, kiến thức và kinh nghiệm phát triển của khu vực này ngày một gia tăng có thể đóng góp có hiệu quả cho quá trình phát triển của Việt Nam. Trong tình hình đó, ODA có thể là vốn mới để huy động tiềm năng của khu vực tư nhân Việt Nam nhằm tăng cường nguồn lực quốc gia và nâng cao hiệu quả đầu tư công nhằm phát triển kinh tế và xã hội. Năm 2013, lần đầu tiên trong Nghị định của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ phát triển xác nhận khu vực kinh tế tư nhân có thể tiếp cận nguồn vốn viện trợ phát triển với những điều kiện nhất định<sup>5</sup>.

Các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước có vai trò tích cực đối với quá trình phát triển. Mỗi năm các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài cung cấp cho Việt Nam khoảng 200 triệu USD để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển tại công đồng. Sự kết nối các hoạt động của các tổ chức phi Chính phủ với ODA sẽ góp phần tăng thêm nguồn lực, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, phân bổ và giám sát việc thực hiện và các kết quả của các chương trình và dự án ODA.

*Phân công lao động và bổ trợ lẫn nhau giữa các nhà tài trợ để khai thác những lợi thế so sánh của các nhà tài trợ có xu hướng mạnh lên*

Trong bối cảnh nguồn vốn ODA hạn hẹp hơn, kể cả những trường hợp nhà tài trợ ngừng chương trình hợp tác phát triển tại Việt Nam đã đặt ra sự cần thiết các nhà tài trợ liên kết lại với nhau để tận dụng lợi thế so sánh, bổ trợ lẫn nhau trong việc thực hiện các chương trình và dự án tại Việt Nam. Liên minh Châu Âu (EU) đã ban hành Bộ quy tắc về phân công lao động và bổ trợ lẫn nhau trong cung cấp viện trợ từ các quốc gia thành viên của tổ chức này cho các

nước đang phát triển. Tuy nhiên, tình hình thực tế về ODA của các nước thành viên EU cho Việt Nam cho thấy tình áp dụng của Bộ quy tắc này chưa thật sự được đưa vào hoạt động. Trong vấn đề này, vai trò của nước tiếp nhận viện trợ có thể quyết định hơn. Tuy nhiên, trong thực tế hiếm thấy một nước nhận viện trợ thành công trong việc phân công lao động cho các nhà tài trợ.

*Các nền kinh tế mới nổi và hợp tác Nam-Nam sẽ bổ sung những nguồn lực đáng kể cho hợp tác phát triển*

Trong những năm gần đây một số nền kinh tế mới nổi ngày càng có vai trò quan trọng trong các quan hệ quốc tế nhất là 5 nước thuộc khối BRICS gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi. Các nước thuộc khối BRICS thông qua quan hệ hợp tác Nam-Nam cũng dành cho các nước đang phát triển các khoản vốn vay và hỗ trợ kỹ thuật để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng phát triển. Trong số 5 nước này, Trung Quốc đang nổi lên như một nhà tài trợ với quy mô vốn lớn dành cho các nước đang phát triển, nhất là tại châu lục đen.

Đánh giá cao nguồn lực hỗ trợ phát triển này trong bối cảnh nguồn vốn ODA từ các nước đang phát triển trong mối quan hệ Bắc - Nam không có khả năng gia tăng mạnh do tình hình kinh tế của các nước tài trợ chủ chốt khó khăn, đặc biệt coi trọng những kinh nghiệm và kỹ năng phát triển của các nước mới nổi. Diễn đàn hiệu quả viện trợ cấp cao lần thứ 4 (HLF-4) tổ chức tại Bu-san, Hàn Quốc tháng 12 năm 2011 đã kêu gọi các nền kinh tế mới nổi, hợp tác Nam-Nam tham gia vào Chương trình nghị sự về hiệu quả viện trợ toàn cầu để bổ sung nguồn lực nhằm hỗ trợ cho các nước đang phát triển trong bối cảnh mới.

### 3. Chính sách thu hút, quản lý và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi của Việt Nam

Trong gần hai thập kỷ vừa qua, ODA đã có vai trò quan trọng, cùng với các nguồn vốn khác huy động từ bên ngoài, kết hợp chặt chẽ với các nguồn lực trong nước có tính chất quyết định đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Là một nước thu nhập trung bình, nguồn lực đầu tư phát triển của Việt Nam đã được tăng cường một bước. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển nhằm đạt được mục tiêu mà Chiến lược phát triển 10 năm 2011-2020 đề ra đưa Việt Nam cơ

bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Đảng và nhà nước Việt Nam chủ trương huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, trong đó có nguồn vốn ODA.

Như đã trình bày ở trên, môi trường ODA Việt Nam đã thay đổi trong bối cảnh của một nước thu nhập trung bình. Trong tình hình đó một số vấn đề đang đặt ra đối với việc thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA. Đó là:

*Việt Nam sẵn sàng đón những xu hướng mới*

Trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, Việt Nam đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những tác động tiêu cực của bài cuộc khủng hoảng tài chính- kinh tế khu vực và toàn cầu, và đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt, nhất là xóa đói, giảm nghèo. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng. Chính trị-xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai sâu rộng và hiệu quả, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định và tăng thêm nguồn lực cho phát triển đất nước. Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Thế và lực của Việt Nam vững mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân<sup>6</sup>. Đây chính là một điều kiện tiền đề để Việt Nam tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Tuy đạt mức thu nhập trung bình, song đây mới là cận dưới của thang bậc quốc gia có mức thu nhập trung bình theo phân loại của Ngân hàng Thế giới, về cơ bản Việt Nam vẫn còn là nước nghèo và đang phát triển. Hơn nữa, chất lượng tăng trưởng còn thấp. Việt Nam đang tiến hành tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Trong điều kiện mới, để hỗ trợ giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội cũng như tăng cường năng lực thể chế và nguồn vốn con người, Việt Nam tiếp tục chủ trương thu hút

và sử dụng ODA và các nguồn vốn vay ưu đãi các dạng khác nhau của các nhà tài trợ nhằm hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển 10 năm 2011- 2020 (SEDS) và Kế hoạch 5 năm 2011-2015 (SEDP). “Việt Nam mong muốn cộng đồng tài trợ quốc tế tiếp tục quan tâm hỗ trợ cho Việt Nam vì đây vẫn sẽ một nguồn vốn quan trọng cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và đầu tư phát triển. Chúng tôi cam kết tiếp tục phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các nhà tài trợ để cải thiện tình hình thực hiện dự án và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA, cải tiến phương thức đối thoại sao cho hiệu quả hơn”<sup>7</sup>.

Trong giai đoạn sau năm 2015, việc thu hút và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi có thể có xu hướng giảm dần về quy mô và thay đổi về phương thức do hai lý do cơ bản. Thứ nhất, nguồn tích lũy trong nước cho đầu tư phát triển sẽ được cải thiện, đồng thời nhiều chính sách mới sẽ được ban hành để khuyến khích khu vực tư nhân trong và ngoài nước đầu tư vào khu vực công, nhất là phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội. Thứ hai, dự báo đến năm 2015, GDP bình quân đầu người có thể tăng gấp đôi so với năm 2010 và sẽ đạt khoảng trên 3000 USD vào năm 2020, do vậy hầu hết các nhà tài trợ sẽ chấm dứt chương trình hỗ trợ phát triển chính thức (theo phương thức cũ) cho Việt Nam trên quy mô rộng lớn, trong đó có thể có một số nhà tài trợ chỉ còn duy trì các chương trình này dưới hình thức hỗ trợ kỹ thuật. Kịch bản này đã diễn ra đối với một số nước đã từng nhận nguồn viện trợ phát triển to lớn trong qua khứ như Thái Lan, Indonesia, Malaysia. Hy vọng, trong quá trình phát triển sẽ đến một thời điểm Việt Nam sẽ phát huy được nội lực và hạn chế sử dụng vốn vay ODA để phát triển kinh tế<sup>8</sup>.

Với mục tiêu huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, Chính phủ Việt Nam đã thông qua Đề án thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và các khoản vay ưu đãi từ các nhà tài trợ thời kỳ 2011-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-TTg ngày 19/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ). Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam tiến hành hoàn thiện tổ chức và thể chế quản lý và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi như ban hành Nghị định 38/2013/NĐ-CP thay thế Nghị định 131/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng ODA. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam đã tích cực tham gia Chương trình nghị sự toàn cầu về nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển vì hiệu quả phát

miền thông qua việc xây dựng và thực hiện Văn kiện quan hệ đối tác Việt Nam (VPD), với các cam kết đối tác và những hành động ưu tiên của Chính phủ và các nhà tài trợ để nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển tại Việt Nam. VPD là một phiên bản Việt Nam của Văn kiện quan hệ đối tác Bu-san, khẳng định cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam hợp tác chặt chẽ với các nhà tài trợ nâng cao hiệu quả viện trợ để đóng góp cho hiệu quả phát triển.

Thực hiện VPD, Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cam kết làm việc cùng nhau để thúc đẩy hợp tác Nam-Nam thông qua mở rộng thương mại, hợp tác đầu tư, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm phát triển, tăng cường hợp tác ba bên (Việt Nam- nhà tài trợ - một nước đang phát triển khác) trong lĩnh vực hợp tác kỹ thuật. Thực hiện cam kết này giúp mở rộng và đa dạng hóa nguồn lực để bổ sung cho hợp tác Bắc-Nam và nhờ vậy tác động của hợp tác phát triển sẽ lan tỏa rộng hơn và hiệu quả cao hơn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam.

#### *Nhu cầu đầu tư và nhu cầu ODA của Việt Nam*

Nhu cầu tổng đầu tư phát triển toàn xã hội trong thời kỳ 2011-2015, trong đó xác định cơ cấu nguồn này theo nguồn vốn huy động trong nước và nguồn vốn huy động từ bên ngoài, bao gồm cả nguồn tài trợ phát triển của các nhà tài trợ. Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 đã dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội trong thời kỳ này theo giá thực tế khoảng 5.745 - 6.140 nghìn tỷ đồng, tương đương gần 250-266 tỷ USD, trong đó nguồn vốn trong nước chiếm khoảng 75-80% nguồn vốn nước ngoài chiếm khoảng 20-25%. Nguồn vốn ngoài nước bao gồm vốn ODA và các khoản vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ; vốn đầu tư trực tiếp của khu vực tư nhân nước ngoài (FDI), kiều hối và một số khoản vốn nước ngoài khác. Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ giai đoạn 2011-2015 được dự kiến vốn cam kết khoảng 32-34 tỷ USD, vốn giải ngân khoảng 14-16 tỷ USD (tương đương khoảng 6% tổng đầu tư xã hội), trong đó khoảng 50% vốn giải ngân từ các chương trình và dự án ký kết trong giai đoạn 2006-2010 chuyển sang. Như vậy, bình quân hàng năm trong thời kỳ 2011-2015 vốn ODA và vốn vay ưu đãi giải ngân sẽ đạt khoảng 2,8-3,2 tỷ USD. Đến nay, dù tình hình kinh tế có khó khăn, nhu cầu đầu tư công sẽ giảm bớt, nhưng vốn ODA

với phương thức đa dạng vẫn rất cần thiết cho Việt Nam.

Theo Đề án ODA 2011-2015 (Chính phủ, 2012), nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi cam kết được dự báo sẽ đạt khoảng 32-34 tỷ USD. Trong đó vay ODA khoảng 18-20 tỷ USD, vay ưu đãi khoảng 8-10 tỷ USD, còn lại là viện trợ không hoàn lại, bình quân mỗi năm vốn ODA và vay ưu đãi cam kết dự kiến khoảng 6,4-6,8 tỷ USD, xấp xỉ mức bình quân năm thời kỳ 2006-2010 (6,35 tỷ USD/năm). Nguồn vốn cam kết này là cần thiết để đảm bảo tính liên tục trong việc chuẩn bị và ký kết các chương trình và dự án tài trợ, đồng thời tạo nguồn vốn gối đầu cho thời kỳ sau năm 2015. Tuy nhiên đây là nhiệm vụ khó khăn vì vốn ODA (vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại) đang giảm dần qua các năm.

Bên cạnh đó cần lưu ý rằng có khoảng 17 tỷ USD vốn ODA đã ký kết song chưa giải ngân, trong đó chủ yếu là vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại. Nguyên nhân thường là do thiếu vốn đối ứng hoặc khó khăn trong giải phóng mặt bằng, tài định cư. Nếu không tháo gỡ khó khăn để sử dụng các nguồn vốn rất quý và đang có xu hướng giảm dần thì Việt Nam bỏ lỡ nguồn vốn rất lớn và quý giá. Như vậy khoảng 50% vốn ODA dự kiến giải ngân trong 5 năm 2011-2015 đến từ các chương trình và dự án ký kết trong thời kỳ 2006-2010. Một nửa tổng vốn ODA cần giải ngân trong thời kỳ 2011-2015 phải dựa vào các chương trình, dự án ký kết trong năm năm này. Tuy nhiên, nếu không khắc phục được sự chậm trễ "kinh niên" trong việc chuẩn bị và ký kết các điều ước quốc tế cụ thể về ODA và thực hiện chương trình, dự án thì rất khó khăn đạt được chỉ tiêu giải ngân vốn ODA đề ra trong Kế hoạch 5 năm 2011-2015, làm giảm quy mô và hiệu quả đầu tư công và đầu tư nói chung.

Theo Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030, dự kiến nguồn vay trong và ngoài nước của Chính phủ cho bù đắp bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015 ở mức khoảng 4,5% GDP, giai đoạn 2016-2020 khoảng 4% GDP, giai đoạn 2021-2030 khoảng 3% GDP. Cần chú ý theo điều kiện vay, định hướng huy động các nguồn vốn như sau.

- Vay ODA của Chính phủ mỗi năm từ 2011-2015 khoảng 3-4 tỷ USD năm, giai đoạn 2016-2020 mỗi năm khoảng 2-3 tỷ USD năm

- Vay ưu đãi nước ngoài như: vay Ngân hàng Tài thiết và Phát triển Quốc tế của Ngân hàng Thế giới (IBRD), vay nguồn vốn thông thường của Ngân hàng Phát triển Châu Á (OCR), vốn vay với điều kiện tương tự của các nhà tài trợ khác... giai đoạn 2011-2015 mỗi năm khoảng 1,5-2,0 tỷ USD/năm và giai đoạn 2016-2020 mỗi năm khoảng 2,0-2,5 tỷ USD/năm.

Trên là mức trần đối với vay vốn ODA và vốn ưu đãi để đảm bảo an toàn nợ công. Giải ngân thực tế các khoản vay với mới phát sinh nợ. Thông thường vốn giải ngân trên thực tế sẽ thấp hơn mức trần này. Do vậy, yêu cầu đảm bảo an toàn nợ công trong việc sử dụng ODA vốn vay và vay ưu đãi có thể được đảm bảo.

**Vốn vay ưu đãi và đảm bảo an toàn nợ bền vững**

Nguồn vay ODA và các khoản vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ hiện chiếm hơn 70% trong cơ cấu nợ Chính phủ. Tuy tỷ lệ nợ công của nước ta hiện an toàn theo các tiêu chuẩn được quốc tế được thừa nhận<sup>9</sup>, song để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, Việt Nam tiếp tục phải vay nợ nước ngoài, trong đó vay ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ tiếp tục có vị trí quan trọng. Với việc sử dụng vốn ưu đãi vốn tài trợ sẽ đắt hơn so với vốn vay ODA (lãi suất, thời gian trả nợ và thời gian ân hạn gắn với các điều kiện trên thị trường vốn). Do vậy, việc bảo đảm an toàn nợ công phải được quán triệt đầy đủ trong việc thu hút và sử dụng nguồn vốn vay ODA và các khoản vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ. Năm 2009, Luật Quản lý nợ công được ban hành là một bước tiến bộ lớn trong hệ thống văn bản pháp luật về quản lý nợ công. Trên cơ sở đó, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư cũng như các văn bản có liên quan hướng dẫn thi hành Luật và Nghị định của các cơ quan liên quan đã được ban hành, tạo ra một hành lang pháp lý tương đối đồng bộ trong việc quản lý nợ công.

Nếu vay ODA và vay ưu đãi tiếp tục tăng nhanh nhưng sử dụng không hiệu quả, không đóng góp giá trị gia tăng cho tăng trưởng kinh tế và gia tăng xuất khẩu là những căn cứ xác định mức độ an toàn nợ công sẽ góp phần gây ra mất an toàn nợ quốc gia. Bởi vậy, trong bối cảnh mới cần khắc phục tình trạng thu hút và sử dụng ODA bằng mọi giá, chạy theo các công trình, dự án ODA hoành tráng mà coi nhẹ kết quả, tác động và hiệu quả đối với sự phát triển của đất nước. Sẽ là rất nguy hiểm nếu ở đâu đó coi ODA là "tiền chùa" là vốn Chính phủ bao cấp.

Chính phủ vay và Chính phủ trả sẽ tạo ra những rủi ro lớn cho đất nước trong các quan hệ chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại. Cần lưu ý rằng trong các Hiệp định vay ODA, Việt Nam đều cam kết thanh toán các khoản nợ theo đúng các điều kiện và thời hạn như thỏa thuận trong các Điều ước quốc tế. Đồng thời, nhiều nhà tài trợ còn có các quy định phạt rất nghiêm khắc nếu các khoản vay đến hạn mà không thanh toán đúng hạn. Do vậy, việc sử dụng nguồn vốn ODA phải luôn được cân nhắc, tính toán giữa hiệu quả- chi phí để bảo đảm khả năng trả nợ nước ngoài và giữ gìn uy tín quốc gia.

**Khu vực tư nhân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi**

Việt Nam xây dựng nền kinh tế đa thành phần, trong đó khu vực kinh tế tư nhân được khuyến khích tham gia và đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội. Cho đến nay các văn bản thể chế như Nghị định 38/2013/NĐ-CP, Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg về Quy chế thi điểm đầu tư theo hình thức đối tác công-tư đã xác định cho phép khu vực tư nhân tiếp cận nguồn vốn viện trợ phát triển, tuy mới về hình thức, song thực chất chỉ lập lại thực tế tham gia của khu vực tư nhân thực hiện các chương trình/dự án ODA mà chưa thể chế hóa yêu cầu như kết luận của Ban bí thư "cho phép doanh nghiệp tư nhân tiếp cận vốn vay ODA như doanh nghiệp nhà nước"<sup>10</sup>. Điều đó có nghĩa về mặt luật pháp khu vực tư nhân khó có thể tiếp cận đến nguồn vốn ODA như một thực thể giống như các cơ quan khác thuộc các cơ quan chủ quản. Trên thực tế, trong thời gian qua có một vài trường hợp một số công ty/doanh nghiệp tư nhân có thể tiếp cận gián tiếp nguồn vốn ODA thông qua các cơ quan/doanh nghiệp nhà nước với tư cách thầu phụ, hoặc sử dụng một số vốn vay ODA trong khuôn khổ các Hạn mức tín dụng mà nhà tài trợ dành cho Chính phủ thông qua các Ngân hàng.

**Quản lý ODA và vay ưu đãi trong bối cảnh mới**

Ở nhiều nước trên thế giới, việc quản lý ODA được thực hiện bằng các bộ Luật như Canada, Indonesia, Philippines,... Việt Nam đã có thực tiễn nhiều năm quản lý ODA bằng các nghị định của Chính phủ. Hiện tại cũng đã có những đề xuất nâng cấp việc quản lý hỗ trợ phát triển chính thức từ Nghị định lên Luật. Tuy nhiên, xét thấy nguồn vốn ODA chiếm tỷ trọng không lớn khoảng 3-4% tổng GDP, đồng thời việc quản lý nguồn vốn này phải rất linh hoạt cho nên các cơ quan có liên quan đã đề nghị

Chính phủ giữ nguyên cách quản lý nguồn vốn này bằng Nghị định. Trên thực tế từ năm 1994 đến nay, Chính phủ Việt Nam đã ban hành bốn (04) nghị định về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức. Các nghị định này đã góp phần quan lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn quan trọng này<sup>11</sup>.

Tình hình mới đòi hỏi công tác quản lý ODA và vốn vay ưu đãi cần chặt chẽ, song các quy trình và thủ tục thực hiện cần tinh giản, minh bạch và nhất quán với các văn bản pháp quy có liên quan trong nước, đồng thời tiếp tục phân cấp và tăng cường công tác giám sát, theo dõi và đánh giá.

#### *Tăng cường năng lực quản lý và thực hiện dự án ODA và vay ưu đãi*

Môi trường ODA mới không những đòi hỏi phải thay đổi phương pháp quản lý mà còn cần phải tăng cường năng lực con người tham gia quá trình quản lý và sử dụng các nguồn vốn này. Để thích nghi với môi trường mới, năng lực con người tham gia quản lý và thực hiện chương trình, dự án ODA ở các cấp cần được nâng cao về nhận thức về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, tính năng động, kiến thức và kỹ năng quản lý nguồn vốn này theo hướng chuyên nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, đa phần các nhà tài trợ, nhất là các nhà tài trợ có quy mô vốn lớn như ADB, WB, Nhật Bản đều xác định trước điều kiện vay (lãi suất, thời hạn vay trả, ân hạn, đồng tiền vay...) và những điều kiện tài chính quan trọng này không phải là đối tượng để đàm phán Hiệp định vốn vay. Giờ đây khi chuyển sang sử dụng vốn vay ưu đãi, Bên vay phải năng động hơn với những hiểu biết và kỹ năng chuyên nghiệp hơn để xác định vay đồng tiền nào là phù hợp, điều kiện tài chính nào là tối ưu đối với một khoản vay cho chương trình, dự án của mình.

Bên cạnh đó, bộ máy Quản lý dự án (Ban QLDA) cần được tổ chức và hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp dựa trên quy định của pháp luật hiện hành. Theo đó Ban QLDA là một đơn vị giúp việc của chủ dự án/chủ đầu tư và do chủ dự án/chủ đầu tư lập ra để giúp quản lý thực hiện chương trình và dự án ODA và vay ưu đãi.

#### **4. Kết luận**

Trong thời kỳ 5 năm 2011-2015, Việt Nam đang thực hiện chính sách thu hút, quản lý và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ trên cơ sở Đề án ODA 2011-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Về mặt pháp luật, trong thời gian

qua, Nhà nước, Chính phủ và một số Bộ đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp hoặc chi phối công tác quản lý và sử dụng ODA như Luật quản lý nợ công, Nghị định 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình, Thông tư 03/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định này, Nghị định 113/2009/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát và đánh giá dự án đầu tư công... Trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định 38/2013/NĐ-CP thay thế Nghị định 131/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng ODA.

Như vậy, hai nền tảng cơ bản để đảm bảo việc thu hút, quản lý và sử dụng ODA và vay ưu đãi một cách có hiệu quả đã được chuẩn bị. Tuy nhiên, để nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức thật sự có tác động trên thực tế đến hiệu quả phát triển của Việt Nam, một số vấn đề dưới đây cần được đặt ra và giải quyết sớm:

#### *Ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường thuận lợi thu hút và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi*

Như đã trình bày ở trên, ODA rất nhạy cảm với chính trị và kinh tế. Nền chính trị Việt Nam ổn định là điều kiện tiên quyết cho phát triển. Kinh tế vĩ mô ổn định sẽ tạo môi trường thuận lợi cho việc thu hút và sử dụng ODA để đáp ứng nhu cầu phát triển.

Các chuyên gia của Ngân hàng thế giới đánh giá, Việt Nam đã bước đầu ổn định được kinh tế vĩ mô, nhưng vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro đến từ lạm phát, nợ xấu, dự trữ ngoại hối... và Việt Nam cần phải thận trọng không nên có những chính sách nổi long tài khóa. Bà Victoria KwaKwa, Giám đốc Ngân hàng thế giới tại Việt Nam cho rằng: "Trong 5 năm tới, Việt Nam sẽ ổn định được kinh tế vĩ mô, giải quyết được vấn đề nợ xấu quốc nội các quốc gia khác đã làm như Thái Lan, Malaysia... nếu có sự quyết tâm chính trị và những chính sách đúng đắn".

#### *Cần tập trung hơn lĩnh vực ưu tiên thu hút và sử dụng ODA và vay ưu đãi, nhất là các khoản vốn đã được ký kết mà vướng mắc thủ tục chủ yếu từ phía Việt Nam*

Xem xét thu hẹp hơn nữa các lĩnh vực ưu tiên thu hút và sử dụng ODA và vay ưu đãi. Chính sách hiện nay quá dân trải. Điều này phù hợp với chủ trương tái cơ cấu kinh tế, trong đó có tái cơ cấu đầu tư, nhằm hướng tới mô hình tăng trưởng hiệu quả hơn, có sức cạnh tranh hơn. Hai vấn đề cần tập trung tháo gỡ là bố trí đủ vốn đối ứng và có giải pháp thỏa đáng

để làm tốt công tác tài định cư, tạo mặt bằng sạch, nhất là các dự án hạ tầng giao thông và đô thị, năng lượng.

**Tập trung cải thiện mạnh mẽ tình hình thực hiện dự án**

Hoàn thiện chính sách, thể chế để bảo đảm thực hiện (tốt) Nghị định 38/2013/NĐ-CP. Qua đó, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư; đồng thời, cần sớm sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, quy định ODA và vốn vay ưu đãi trong Luật Đầu tư công. Ban hành sớm Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2013/NĐ-CP để góp phần cải thiện công tác chuẩn bị và thực hiện dự án như tinh giản việc chuẩn bị và phê duyệt Danh mục yêu cầu tài trợ, thực hiện những hành động sớm (advance actions) trong thời kỳ khởi động thực hiện dự án; tinh giản thủ tục điều chỉnh văn kiện dự án trong quá trình thực hiện; tăng cường theo dõi, giám sát và đánh giá dự án... Những cải tiến này sẽ cho phép nâng cao chất lượng sử dụng vốn ODA và tạo điều kiện để khu vực tư nhân tiếp cận nguồn vốn ODA và tạo tác động lan toả tích cực.

**Áp dụng các cách tiếp cận viện trợ và mô hình viện trợ mới (PBA, GBS, TBS...)**

Đề thích ứng với thị trường MIC của Việt Nam, nhiều nhà tài trợ hiện nay mạnh tiếp cận theo ngành, chương trình (PBA), hỗ trợ ngân sách (GBS, TBS) trong chính sách viện trợ mới của mình dành cho Việt Nam.

Cần bổ sung và sửa đổi để luật pháp hóa các cách tiếp cận và mô hình viện trợ mới nhằm đảm bảo một mặt bằng pháp luật chung cho việc áp dụng các phương thức viện trợ, cả truyền thống lẫn cách tân vì mục tiêu hiệu suất và hiệu quả của viện trợ theo hướng:

- Kết hợp cả tiếp cận theo dự án và tiếp cận theo chương trình trong sử dụng và quản lý ODA.
- Thiết kế và bổ sung thiết chế tổ chức và trình tự thủ tục cho việc áp dụng phương thức hỗ trợ chương trình và các phương thức tài trợ mới khác theo hướng: Thể chế hóa việc tiếp cận theo chương trình, bắt đầu từ khâu vận động ODA và Các ngành, vùng và các tỉnh, thành phố xây dựng các chương trình (các chương trình mục tiêu, các chương trình phát triển ngành...) làm cơ sở thu hút ODA, hạn chế tối đa các dự án đơn lẻ.

**Xây dựng cơ chế để khu vực tư nhân tiếp cận nguồn ODA vốn vay**

Khu vực tư nhân cần được tiếp cận bình đẳng với khu vực công trên cơ sở chia sẻ trách nhiệm, lợi ích và rủi ro cùng với Chính phủ trong việc sử dụng nguồn vốn này. Về mặt thể chế cần luật pháp hóa sự tiếp cận này bằng một bản quy phạm pháp luật với những quy định cụ thể đối với các phương thức ODA và bảo đảm an toàn giảm thiểu rủi ro. Cần có những quy chế cụ thể để không những khu vực tư nhân tham gia vào việc sử dụng vốn ODA mà người dân và các tổ chức phi chính phủ có điều kiện tham gia giám sát dự án ngay từ đầu và suốt quá trình vận hành sau này...

**Tập trung và phân cấp trong quản lý và sử dụng ODA**

Cần xây dựng và ban hành một quy chế về thẩm định các dự án đầu tư công, trong đó có ODA, đồng thời tiếp tục thực hiện phân cấp mạnh hơn (cả về quyền hạn và trách nhiệm) cho các ngành, các địa phương theo hướng:

- Quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan liên quan.
- Giãn lược các thủ tục báo cáo, xin ý kiến...
- Hoàn thiện hệ thống theo dõi, đánh giá ở cả 3 cấp: quốc gia, CQCQ, chủ đầu tư. Xác lập các chế tài để đảm bảo thực hiện nghiêm túc.
- Xây dựng các tiêu chí đánh giá về năng lực đối với các CQCQ, chủ đầu tư.
- Thể chế hóa các quy định về yêu cầu năng lực trong quản lý dự án.

**Nâng cao năng lực cán bộ quản lý và thực hiện Dự án**

- Chuẩn hóa quy trình, giáo trình cũng như các nội dung đào tạo về quản lý dự án
  - Chứng chỉ "Quản lý dự án" cho các cán bộ tham gia công tác thu hút, quản lý ODA
  - Xuất bản rộng rãi các tài liệu liên quan đến thu hút, quản lý, theo dõi, đánh giá ODA...
- Tất cả những giải pháp nêu trên đòi hỏi sự vào cuộc đồng loạt của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của các giới đồng bào. □



**Ghi chú:**

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X, tháng 01 năm 2011.
2. Theo phân loại của Ngân hàng thế giới, nước thu nhập trung bình có mức thu nhập bình quân đầu người trong khoảng 950USD – 3.500 USD
3. Nếu như ở giai đoạn 1993-2000, 20% vốn ODA là viện trợ không hoàn lại và 80% là vốn vay; thì đến giai đoạn 2001-2005, tỷ lệ này là 19% và 81% và tiếp tục thay đổi là 7% và 93% trong giai đoạn 2006 -2010.
4. Điều 3 Nghị định 38/2013/NĐ-CP.
5. Điều 9 Nghị định 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi.
6. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2010-2020.
7. Bộ trưởng Bùi Quang Vinh phát biểu trước các nhà tài trợ tại hội nghị CG 2012.
8. Nguyên Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Võ Hồng Phúc.
9. Bộ Tài chính, Báo cáo Định hướng vay và sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi của các tổ chức tài chính quốc tế giai đoạn 2012-2020, trang 7.
10. Bộ Tài chính, Báo cáo Định hướng vay và sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi của các tổ chức tài chính quốc tế giai đoạn 2012-2020, trang 8.
11. Bộ Tài chính, Báo cáo Định hướng vay và sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi của các tổ chức tài chính quốc tế giai đoạn 2012-2020, trang 8.
12. Mặc dù nguồn vốn ODA huy động tương đối lớn trong thời gian qua, trong đó tới 80% là vốn vay đã góp phần làm gia tăng nợ chính trong nợ công (nợ ODA chiếm trên 70% nợ Chính phủ) song theo các chuẩn mực quốc tế nợ công của Việt Nam hiện ở trong giới hạn an toàn (Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), giới hạn cho phép để nền kinh tế an toàn là: Tổng nợ/GDP là 40-50%, so với kim ngạch xuất khẩu là 150%. Nợ phải trả hàng năm so với kim ngạch xuất khẩu là 20%, tổng nợ/thu so với ngân sách Nhà nước là 10%.)
13. Kỉ luận ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Ban bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về các giải pháp tiếp tục khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân đã chủ trương cho phép khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận và sử dụng ODA vốn vay và các cơ quan Chính phủ có liên quan cần thể chế hóa chủ trương này để doanh nghiệp tư nhân có thể tiếp cận và sử dụng ODA vốn vay.
14. Trước sự thay đổi của chính sách tài trợ cho Việt Nam phù hợp với bối cảnh Việt Nam là nước thu nhập trung bình, Chính phủ đã quyết định xây dựng một Nghị định số 38/2013/NĐ-CP thay thế Nghị định 131/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng ODA.

**Tài liệu tham khảo:**

Chính Phủ (2012), *Đề án Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và các khoản vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ thời kỳ 2011 – 2015* (Ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).

**Aid policy in the context where Vietnam becomes a middle-income country****Abstract**

*After more 25 years of Doi Mot, Vietnam has made great achievements in economic development and social progress. In 2010, Vietnam achieved GNI per capita was about US\$ 1,168, which is the starting point of middle-income countries. Aid for Vietnam will change in natural, scale, structure and modalities of delivery, approaches. This paper focuses on the changes of ODA and concessional loans for Vietnam, raised issues related to the management and use of ODA in Vietnam in the near future.*

**Thông tin tác giả:**

**\*Nguyễn Quang Thái**, Giáo sư, tiến sĩ khoa học

- Nơi công tác: Tổng thư ký Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô và kinh tế quốc tế

- Các tạp chí đã đăng tài công trình: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế

Email: [thai.nguyenquang@gmail.com](mailto:thai.nguyenquang@gmail.com)

**\*\*Trần Thị Hồng Thuy**

- Nơi công tác: Công ty Tư vấn CONCETTI